BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Nội Bộ * SỐ TÍN CHỈ : 2
MÔN THI : AUD 353 (B)

Học kỳ : 2

Thời gian : 15h30 - 17/03/2026 - Phòng thi 314 /1 - 254 Nguyễn Văn Linh

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29204964675	Vũ Thị Minh	Châu	AUD 353 B	K29KDN					
2	29204853965	Nguyễn Thị	Diễm	AUD 353 B	K29KDN					*NỢ HP*
3	29204965650	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	AUD 353 B	K29KDN					
4	29204951375	Nguyễn Thị	Diệu	AUD 353 B	K29KDN					
5	29204942250	Chế Lữ Thùy	Dương	AUD 353 B	K29KDN					
6	29204957103	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	AUD 353 B	K29KDN					
7	29206558577	Nguyễn Thái Hồng	Duyên	AUD 353 B	K29KDN					
8	29204455077	Nguyễn Khánh	Giang	AUD 353 B	K29KDN					
9	29205241164	Phan Mạnh Kim	Huyền	AUD 353 B	K29KDN					
10	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	AUD 353 B	K29KDN					
11	29204459551	Võ Thị Thùy	Linh	AUD 353 B	K29KDN					
12	29204950388	Nguyễn Thị Thùy	Linh	AUD 353 B	K29KDN					
13	29204954623	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	AUD 353 B	K29KDN					
14	29209535871	Lê Thị Mỹ	Linh	AUD 353 B	K29KDN					
15	29204957291	Trần Thị Ái	Ly	AUD 353 B	K29KDN					
16	29204962426	Phạm Hoàng Khánh	Ly	AUD 353 B	K29KDN					
17	29204955744	Lê Thị Phương	Ngọc	AUD 353 B	K29KDN					
18	29204963233	Trần Thục	Nguyên	AUD 353 B	K29KDN					
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Nội Bộ * SỐ TÍN CHỈ : 2
MÔN THI : AUD 353 (B)

Học kỳ : 2

Thời gian : 15h30 - 17/03/2026 - Phòng thi 314 /2 - 254 Nguyễn Văn Linh

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29206645247	Nguyễn Thị	Nguyệt	AUD 353 B	K29KDN					
2	29204956913	Nguyễn Thị	Nhi	AUD 353 B	K29KDN					
3	29204965626	Phạm Thị Phương	Như	AUD 353 B	K29KDN					
4	29204956854	Nguyễn Hoàng	Ny	AUD 353 B	K29KDN					
5	29204926859	Trần Phan Kiều	Oanh	AUD 353 B	K29KDN					
6	29204954167	Nguyễn Thị	Phương	AUD 353 B	K29KDN					
7	29204953428	Lê Thị Thúy	Phượng	AUD 353 B	K29KDN					
8	29204949257	Vũ Thị Lệ	Quyên	AUD 353 B	K29KDN					
9	29204556207	Phạm Như	Quỳnh	AUD 353 B	K29KDN					
10	29204951058	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	AUD 353 B	K29KDN					
11	28214903826	Hà Phước	Sơn	AUD 353 B	K28KDN					
12	29204937109	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	AUD 353 B	K29KDN					
13	29204953179	Nguyễn Thị Ngọc	Thạch	AUD 353 B	K29KDN					
14	29208147854	Nguyễn Kim Anh	Thư	AUD 353 B	K29KDN					
15	29204954541	Lê Ngọc Hoàng	Trâm	AUD 353 B	K29KDN					
16	29204959533	Nguyễn Thùy	Trang	AUD 353 B	K29KDN					
17	29215059803	Hà Thái	Tú	AUD 353 B	K29KDN					
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										